

CÔNG TY CỔ PHẦN FOXCOMMERCE VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FOXCOMMERCE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FOXCOMMERCE VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110726813

3. Ngày thành lập: 24/05/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 33 Tô Vĩnh Diện, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972836416

Fax:

Email: Contact@foxcomjsc.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Môi giới mua bán hàng hóa	4610(Chính)
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4631
4.	Bán buôn thực phẩm (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4632
5.	Bán buôn đồ uống (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4633
6.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4634
7.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4641
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4653
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4659

13.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4661
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4662
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4663
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4669
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
18.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
19.	Bán buôn tổng hợp (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4690
20.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4711
21.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4719
22.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4721
23.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4722
24.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4723
25.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4724
26.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4730
27.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4774
28.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4781
29.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4782
30.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4783

31.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4784
32.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4785
33.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4789
34.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4791
35.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4799
36.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.	5510
37.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
38.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
39.	Đại lý du lịch	7911
40.	Điều hành tua du lịch	7912
41.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
42.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4741
43.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4742
44.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4751
45.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4752
46.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4753
47.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4759
48.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4761

49.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4762
50.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4763
51.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4764
52.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4771
53.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4772
54.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4773

6. **Vốn điều lệ:** 1.242.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 124.200

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ ANH TUẤN	Xóm Trung Kiên, Xã Trung Hội, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	43.975	439.750.000	35,407	019091007228	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	43.975	439.750.000	35,407		

2	PHẠM ĐĂNG HÙNG	CH 3101B – Hh02 32 Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.475	254.750.000	20,511	019091013797
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	25.475	254.750.000	20,511	
3	LÈNG ĐÀM PHỤNG HIỂN	Xóm Khẩu Bảo, Xã Bảo Cường, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.475	254.750.000	20,511	019091006450
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	25.475	254.750.000	20,511	
4	LƯU TÚ	Xóm Trung Tâm, Xã Trung Hội, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	29.275	292.750.000	23,571	019091008906
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	29.275	292.750.000	23,571	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

